

CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ VỚI NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG CUỘC SỐNG CỦA “TRẺ EM BỊ BỎ LẠI” Ở NÔNG THÔN DO BỐ MẸ ĐI LÀM ĂN XA

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài: *Thích ứng tâm lý - xã hội của trẻ em nông thôn có bố mẹ đi làm ăn xa*; Mã số QG.15.43, TS. Nguyễn Văn Lược làm chủ nhiệm.

TS. Nguyễn Văn Lược

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÓM TẮT

Bài báo phân ánh kết quả khảo sát 469 trẻ em có bố mẹ đi làm ăn xa về chiến lược ứng phó với những khó khăn mà trẻ gặp phải trong cuộc sống thông qua việc so sánh với nhóm đối chứng gồm 650 trẻ ở cùng cha mẹ tại 3 vùng nông thôn Phú Thọ, Bắc Ninh và Hà Nam. Các phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Kết quả cho thấy, mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó tích cực như “Tập trung giải quyết vấn đề”, “Tìm kiếm sự trợ giúp”, “Giải trí/tiêu khiển” của trẻ em có cha mẹ đi làm ăn xa thấp hơn so với nhóm trẻ ở cùng bố mẹ. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về chiến lược ứng phó giữa các nhóm trẻ em có bố mẹ đi làm ăn xa xét theo tiêu chí cấp học, tuổi và thời gian bố mẹ đi làm ăn xa.

Từ khóa: *Ứng phó; Bố mẹ đi làm ăn xa; Trẻ em bị bỏ lại.*

Ngày nhận bài: 19/9/2016; Ngày duyệt đăng bài: 25/10/2016.

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, tình trạng người dân nói chung, các bậc cha mẹ nói riêng rời nông thôn ra các thành phố lớn hoặc sang một nước phát triển hơn để tìm kiếm việc làm ngày càng gia tăng. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2015, số người di cư nội địa từ 15 tuổi trở lên ước tính khoảng 1,24 triệu người, trong đó 57,7% là phụ nữ, có tới 78,4% tham gia vào lực lượng lao động và phần lớn di chuyển đến khu vực thành thị. Ngoài ra, tính đến hết năm 2015, Việt Nam có khoảng 500.000 người đang tham gia xuất khẩu lao động ở 40 quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau (Tổng cục Thống kê, 2016). Nhiều người trong số đó phải bỏ con lại

ở nhà cho người thân chăm sóc. Đặc biệt, có một số gia đình cả chồng và vợ đều đi làm ăn xa. Không thể phủ nhận các tác động tích cực của việc cha mẹ đi làm ăn xa đối với cả nơi đi và nơi đến về mặt kinh tế - xã hội, đặc biệt là cung cấp nguồn tài chính, góp phần vào việc duy trì đời sống ở quê nhà và việc học tập của con em những người đi làm ăn xa (Hoàng Bá Thịnh, 2012; Nicola Piper, 2012; Vũ Ngọc Bình, 2012). Bên cạnh những lợi ích trước mắt về kinh tế - xã hội có thể nhìn thấy, việc cha mẹ phải rời bỏ quê hương đi làm ăn xa đã tác động tiêu cực về mặt tâm lý cho những đứa trẻ bị bỏ lại ở nông thôn.

Nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đồng ý rằng “trẻ em bị bỏ lại” (Left-behind Children) ở nông thôn được hiểu là những trẻ em có bố hoặc mẹ (hoặc cả bố và mẹ) đi làm ăn xa ở thành phố hoặc sang hẳn một nước/vùng lãnh thổ khác; thời gian đi làm ăn xa từ 6 tháng trở lên và độ tuổi của các em đó dưới 18 tuổi (Graham và cộng sự, 2011). Những trẻ em này đang sống ở quê nhà và được nuôi dưỡng bởi những người chăm sóc (caregivers) thường là ông/bà nội ngoại nếu cha mẹ đi làm ăn xa hoặc sống với cha (nếu mẹ đi làm ăn xa) hoặc sống với mẹ (nếu cha đi làm ăn xa).

Bố mẹ đi làm ăn xa (Parent working far from home) trong nghiên cứu này được hiểu là những ông bố, bà mẹ phải rời quê hương, nơi đang cư trú thường xuyên, đi làm việc ở một tỉnh/thành phố khác hoặc sang hẳn một nước, vùng lãnh thổ khác (thường theo diện xuất khẩu lao động). Thời gian đi làm ăn xa từ 6 tháng trở lên.

Ứng phó (Coping) thường được quan tâm nghiên cứu gắn liền với các tình huống khó khăn, đặc biệt là stress. Theo Corsini (1999), ứng phó là các nỗ lực về mặt nhận thức và hành vi thay đổi thường xuyên để giải quyết các đòi hỏi cấp bách từ bên ngoài hoặc bên trong hoặc cả hai (dẫn theo Lê Văn Hào, 2016). Có một số quan niệm rất đáng chú ý về ứng phó như của tác giả Phan Thị Mai Hương khi tác giả phân biệt cách ứng phó và chiến lược ứng phó. “Chiến lược ứng phó là sự ứng phó một cách chủ động, có dự định trước một tình huống xảy ra. Cách thức ứng phó là những phương thức ứng phó cụ thể hơn trước một tình huống, hoàn cảnh nhất định” (dẫn theo Trần Văn Công, 2015, tr. 13); tác giả Trần Văn Công và cộng sự cũng tán thành với quan điểm trên khi cho rằng: “Ứng phó là tương tác, đối mặt, giải quyết vấn đề của cá nhân hay giữa các cá nhân trong những tình huống bất thường, khó khăn. Khái niệm này còn được dùng để mô tả sự phản ứng của cá nhân trong các tình huống khác nhau” (Trần Văn Công, 2015, tr. 13).

Chiến lược ứng phó với những khó khăn trong cuộc sống của trẻ em có bố mẹ đi làm ăn xa là những cách thức trẻ nỗ lực để vượt qua những trở ngại mà các em gặp phải trong học tập, cuộc sống khi cha mẹ đi làm ăn xa. Đó có thể là quá trình trẻ tích cực, chủ động tìm kiếm thông tin, sự trợ giúp, thay đổi nhận thức để

giải quyết vấn đề hoặc né tránh vấn đề trẻ gặp phải (Elena Camisasca và cộng sự, 2012).

Trên thế giới, các nghiên cứu về tác động của việc cha mẹ đi làm ăn xa đến trẻ em bị bỏ lại được tiến hành nhiều ở Trung Quốc và khu vực ASEAN do ở đây tình trạng này đã và đang diễn ra rất phổ biến. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, tình trạng cha mẹ đi làm ăn xa đã có tác động tiêu cực đến việc học tập của trẻ như kết quả học tập của trẻ bị giảm sút (Qiran Zhao, 2014) hoặc gián đoạn quá trình học tập của trẻ (Zhaobao Jia và cộng sự, 2010), trẻ gặp khó khăn trong việc giao tiếp với thầy/cô và bạn bè (Jing Luo, 2011). Việc thiếu vắng cha mẹ khiến trẻ em ở nông thôn có nhiều *cảm xúc tiêu cực* hơn so với trẻ ở cùng cha mẹ: trẻ có cảm giác cô đơn, buồn chán (Ye Jingzhong và cộng sự, 2011; Jia Z. và cộng sự, 2010; Su S. và cộng sự, 2012; Nicola Piper, 2012). Theo Ye Jingzhong và Pan Lu, *“cô đơn là từ phổ biến nhất mà trẻ em bị bỏ lại ở nông thôn chọn để miêu tả cảm xúc của chúng”* (Ye Jingzhong và cộng sự, 2011, tr. 372). Trẻ vắng cha mẹ cũng tỏ ra lo lắng, bất an, sợ hãi (Fan và cộng sự, 2010).

Các nghiên cứu cũng cho thấy, trẻ em có bố mẹ đi làm ăn xa gặp vấn đề về tự đánh giá bản thân. Nghiên cứu của Shen và cộng sự cho thấy, trẻ em bị bỏ lại thường tự ti, sống khép kín, cô lập (Shen và cộng sự, 2014; Ye Jingzhong và cộng sự, 2011), tự đánh giá bản thân thấp (Sun Xiaojun và cộng sự, 2015; Wang X. và cộng sự, 2014). Không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến việc học tập, cảm xúc và tự đánh giá bản thân, việc cha mẹ đi làm ăn xa cũng khiến cho những đứa trẻ ở lại có các hành vi tiêu cực, trẻ trai có xu hướng biểu hiện các hành vi tiêu cực cao hơn trẻ nữ (Fan và cộng sự, 2010; Hongwei Hu và cộng sự, 2014; Wen M. và cộng sự, 2012).

Một hướng nghiên cứu nữa về trẻ em bị bỏ lại ở nông thôn là về khía cạnh cảm nhận hạnh phúc của trẻ. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, trẻ em bị bỏ lại ở nông thôn do bố mẹ đi làm ăn xa có điểm số về cảm nhận hạnh phúc thấp hơn so với nhóm trẻ ở cùng cha mẹ (Graham và cộng sự, 2011; Wei Lu, 2011; Su S. và cộng sự, 2012; Qiang Ren và cộng sự, 2013). Tại Trung Quốc, nghiên cứu của Wei Lu cũng cho thấy, chất lượng cuộc sống của trẻ bị giảm sút, các điều kiện chăm sóc về y tế không được đảm bảo (Wei Lu, 2011). Nghiên cứu của Wen M. và cộng sự trên 704 trẻ trong độ tuổi 8 - 18 tuổi ở khu vực nông thôn (trẻ vắng cả cha lẫn mẹ; trẻ vắng cha hoặc mẹ và trẻ ở cùng cha mẹ) tại 5 huyện của tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc) chỉ ra rằng, trẻ em có cha mẹ di cư ít hài lòng với cuộc sống và học tập hơn so với trẻ ở cùng cha mẹ, đặc biệt là nhóm trẻ có mẹ đi làm ăn xa. Chỉ có 33,33% trẻ có mẹ đi làm ăn xa hài lòng với cuộc sống và việc học tập của bản thân, tỷ lệ này ở trẻ có cha đi làm ăn xa là 46,3% và nhóm trẻ có cả cha và mẹ đi làm ăn xa là 42,62% (Wen M. và cộng sự, 2012, tr. 127). Các kết quả tương tự cũng được báo cáo trong nghiên cứu của Qiang Ren và Donald J. Treiman khi họ nhận thấy

bằng chứng rõ nhất là “nhóm trẻ vắng cả cha và mẹ ít hạnh phúc nhất và có điểm số trầm cảm cao nhất” (Qiang Ren và cộng sự, 2013, tr. 22).

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về người di cư thường tập trung theo các hướng như “xu hướng di cư”, “đời sống của người di cư” và “các nghiên cứu đề xuất chính sách” (ActionAid, 2012); Hoặc “vai trò của lao động di cư đến sự phát triển kinh tế, xã hội”; “những vấn đề xã hội của lao động di cư” và “đề xuất các biện pháp giúp cho người di cư tiếp cận các dịch vụ xã hội” (Trần Văn Kham và cộng sự, 2015a, 2015b). Đặc điểm chung của những nghiên cứu về người di cư ở Việt Nam là “*Chỉ ra những bất lợi mà người lao động di cư gặp phải trong công việc và trong sinh hoạt tại nơi đến. Trên khía cạnh chính sách, các nghiên cứu này đều nhấn mạnh thực trạng “trắng” về chính sách đối với người di cư tại các khu vực đô thị*” (ActionAid, 2012, tr. 17). Dễ dàng nhận thấy các nghiên cứu ở Việt Nam thường xem xét vấn đề di cư từ các góc độ của người lớn, có rất ít các nghiên cứu về tác động của tình trạng này đến “những đứa trẻ bị bỏ lại” ở nông thôn, đặc biệt là sự tác động đến đời sống tâm lý của trẻ hoặc nếu có thì là nghiên cứu khó khăn tâm lý của trẻ thông qua sự đánh giá của cha mẹ hoặc người chăm sóc (Graham và cộng sự, 2011).

Như vậy có thể thấy, các nghiên cứu về chiến lược ứng phó với những khó khăn của trẻ em trong các gia đình có bố mẹ đi làm ăn xa còn chưa được quan tâm nghiên cứu một cách thỏa đáng. Trước những khó khăn gặp phải trong học tập, trong cuộc sống, trẻ em có bố mẹ đi làm ăn xa đã ứng phó như thế nào? Chúng tôi giả định rằng, trong mối quan hệ so sánh với trẻ em ở cùng cha mẹ, trẻ có bố mẹ đi làm ăn xa ít sử dụng các chiến lược ứng phó tích cực, chủ động. Mục đích của bài viết này nhằm mô tả thực trạng chiến lược ứng phó với khó khăn trong cuộc sống của trẻ có bố mẹ đi làm ăn xa thông qua việc so sánh với nhóm trẻ ở cùng cha mẹ.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu định lượng theo lát cắt ngang. Mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên thuận tiện. Tổng số mẫu nghiên cứu gồm 1.119 trẻ em trong độ tuổi từ 9 tới 15 tuổi (469 trẻ có bố mẹ đi làm ăn xa, 650 trẻ ở cùng cha mẹ). Địa bàn khảo sát tại 3 tỉnh miền Bắc Việt Nam: huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh và huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Các trẻ đều đang theo học từ lớp 4 tới lớp 9 tại các trường tiểu học và THCS ở 3 địa bàn trên.

Trong tổng số 469 trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa có 174 trẻ có cha đi làm ăn xa, 105 trẻ có mẹ đi làm ăn xa và 166 trẻ có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (24 trẻ

không báo cáo thông tin này); độ tuổi trung bình của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa là 11,70; thời gian cha mẹ đi làm ăn xa trung bình là 4,24 năm.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng thang đo chiến lược ứng phó của trẻ khi gặp phải những khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, phiên bản 2012 do Elena Camisasca và cộng sự sử dụng trên nhóm trẻ Italia từ thang đo gốc của Ayers và Sandler (1999). Thang đo gồm 54 mệnh đề, đo 5 chiến lược ứng phó của trẻ, cụ thể như sau (Elena Camisasca và cộng sự, 2012):

- Chiến lược tập trung giải quyết vấn đề (*Problem focused coping*), gồm 12 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,779.

- Chiến lược thay đổi nhận thức (*Positive cognitive restructuring*), gồm 12 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,804.

- Chiến lược tìm kiếm sự trợ giúp (*Support seeking strategies*), gồm 9 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,811.

- Chiến lược tiêu khiển/giải trí (*Distraction strategies*), gồm 9 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,668.

- Chiến lược né tránh vấn đề (*Avoidance strategies*), gồm 12 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,707.

Các mệnh đề được cho điểm như sau: Không bao giờ: 1 điểm; Hiếm khi: 2 điểm; thỉnh thoảng: 3 điểm; Rất thường xuyên: 4 điểm. Điểm của mỗi thang đo (mỗi chiến lược ứng phó) là điểm trung bình của tất cả các item của thang đo.

2.3. Tiến trình nghiên cứu:

Trước tiên, chúng tôi đã liên hệ và nhận được sự đồng ý của Ban Giám hiệu nhà trường, giáo viên chủ nhiệm cho phép làm việc với các em học sinh. Sau đó, trong mỗi khối lớp, nhóm nghiên cứu chọn 1 nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa và 1 nhóm trẻ ở cùng cha mẹ để tiến hành khảo sát. Mỗi em học sinh được phát 1 phiếu/bảng hỏi và tự hoàn thành bảng hỏi. Các em trả lời tập trung tại Hội trường của mỗi trường dưới sự hướng dẫn của các thành viên trong nhóm nghiên cứu.

2.4. Kỹ thuật xử lý dữ liệu:

Tất cả các dữ liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê toán học SPSS phiên bản 20.0.

3. Kết quả và bàn luận

Chúng tôi đã giả định rằng, chiến lược ứng phó với những khó khăn gặp trong học tập, trong cuộc sống của trẻ ở cùng cha mẹ và trẻ có bố mẹ đi làm ăn xa là khác nhau. Cụ thể, nhóm trẻ ở cùng cha mẹ sử dụng các chiến lược ứng phó tích cực, chủ động hơn so với nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa. Kết quả được thể hiện ở bảng số liệu sau:

Bảng 1: So sánh chiến lược ứng phó của trẻ ở cùng cha mẹ và trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa

Các chiến lược	Phân nhóm	Mean (SD)	F	p
1. Tập trung giải quyết vấn đề	Trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa (n = 417)	35,31 (5,50)	1,038	0,02
	Trẻ ở cùng cha mẹ (n = 565)	36,11 (5,72)		
2. Thay đổi nhận thức	Trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa (n = 404)	34,93 (5,92)	1,896	0,06
	Trẻ ở cùng cha mẹ (n = 549)	35,67 (6,26)		
3. Tìm kiếm sự trợ giúp	Trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa (n = 429)	25,03 (5,07)	0,064	0,02
	Trẻ ở cùng cha mẹ (n = 574)	25,79 (5,27)		
4. Tiêu khiển/giải trí	Trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa (n = 425)	27,69 (4,27)	1,067	0,02
	Trẻ ở cùng cha mẹ (n = 584)	28,34 (4,48)		
5. Né tránh vấn đề	Trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa (n = 411)	32,63 (5,38)	11,311	0,20
	Trẻ ở cùng cha mẹ (n = 555)	33,09 (5,69)		

Ghi chú: F hay hệ số Fisher là phép chia của phương sai giữa các nhóm so sánh cho phương sai trong nhóm. Hệ số F kết hợp với mức độ tự do (degree of freedom - df) để tìm ra hệ số p. Để giá trị $p \leq 0,05$ thì mức độ tự do (df) càng lớn, giá trị F càng nhỏ; p: mức ý nghĩa; Mean: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn; n: Số lượng. Nhìn chung giá trị F càng nhỏ thì càng bảo hiệu phép so sánh có ý nghĩa.

Các số liệu ở bảng trên cho thấy:

Mức độ sử dụng chiến lược “Tập trung giải quyết vấn đề” của trẻ ở cùng cha mẹ cao hơn so với trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa và sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $F = 1,038$; $p = 0,02$.

- Mức độ trẻ em ở cùng cha mẹ sử dụng chiến lược “Tìm kiếm sự trợ giúp” cao hơn so với nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa và sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $F = 0,064$; $p = 0,02$. Thực tế cho thấy, khi trẻ ở cùng với ông

thì ông bà chỉ có thể lo về cái ăn, cái mặc cho các cháu còn những chuyện hành hoặc những vấn đề về tâm sinh lý của các cháu thì ông bà không thể đáp được, như tâm sự của em N., 14 tuổi, cha đi xuất khẩu lao động tại Đức 7 năm: “Đôi khi, em có cảm giác cô đơn và buồn chán tại vì nhiều lúc em có người che chở, bảo vệ và tâm sự, những lúc như vậy, bố không có mặt. Và do áp lực học tập ở trường, ở lớp, em mong có bố nhờ bố giúp đỡ”. Điều này có thể là nguyên nhân khiến trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa ít sử dụng chiến lược tìm kiếm sự trợ giúp hơn so với trẻ ở cùng cha mẹ.

- Khi gặp phải những khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, nhóm trẻ ở cùng cha mẹ cũng sử dụng chiến lược “*Tiêu khiển/giải trí*” cao hơn so với nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $F = 1,067$; $p = 0,02$.

Trẻ ở cùng cha mẹ cũng sử dụng chiến lược “*Thay đổi nhận thức*” cao hơn so với trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa. Tuy nhiên, sự khác biệt này không có ý nghĩa về mặt thống kê với $F = 1,896$; $p = 0,06$. Kết quả tương tự cũng tìm thấy ở chiến lược “*Né tránh vấn đề*” với $F = 11,311$; $p = 0,20$.

Như vậy, có thể kết luận một cách khái quát rằng, trẻ em ở cùng cha mẹ có mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó với những khó khăn gặp phải trong học tập, trong cuộc sống tích cực hơn so với nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa.

Câu hỏi đặt ra là “Liệu rằng giữa các nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa khác nhau thì có chiến lược ứng phó với những khó khăn gặp phải trong học tập, trong cuộc sống khác nhau không?”. Các kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy:

- Về chiến lược “*Tập trung giải quyết vấn đề*”, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa nếu xét theo tiêu chí cấp học, độ tuổi, thời gian cha mẹ đi làm ăn xa và địa bàn sinh sống của trẻ. Xu hướng chung là: trẻ đang học THCS, trong độ tuổi từ 12 đến 15 tuổi, thời gian cha mẹ đi làm ăn xa trên 3 năm và nhóm trẻ sống ở Phú Thọ có xu hướng sử dụng chiến lược này cao hơn so với nhóm trẻ đang học tiểu học, độ tuổi từ 9 đến 11 tuổi, thời gian cha mẹ đi làm ăn xa dưới 3 năm ở các địa phương Bắc Ninh và Hà Nam. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong việc sử dụng chiến lược này giữa các nhóm trẻ nếu xét theo tiêu chí giới tính, người đi làm ăn xa là cha hay mẹ và thời gian liên hệ giữa cha mẹ đi làm ăn xa và trẻ.

- Về chiến lược “*Thay đổi nhận thức*”, nhóm trẻ đang học THCS, có cha mẹ đi làm ăn xa trên 3 năm, ở địa bàn Phú Thọ sử dụng chiến lược này thường xuyên hơn so với nhóm trẻ ở các địa phương Bắc Ninh, Hà Nam, nhóm trẻ đang học tiểu học, có cha mẹ đi làm ăn xa dưới 3 năm và ở các địa phương khác.

Về chiến lược “*Tìm kiếm sự trợ giúp*”, số liệu cho thấy có sự khác biệt giữa nhóm trẻ ở Bắc Ninh có cha mẹ đi làm ăn xa với nhóm trẻ ở các địa phương Phú Thọ, Hà Nam.

Bảng 2: So sánh chiến lược ứng phó với những khó khăn trong học tập, trong cuộc sống giữa các nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa

Tiêu chí	Phân nhóm	Tập trung giải quyết vấn đề		Thay đổi nhận thức		Tìm kiếm sự trợ giúp		Tiêu khiển/giải trí		Né tránh vấn đề	
		Mean (SD)	p	Mean (SD)	p	Mean (SD)	p	Mean (SD)	p	Mean (SD)	p
1. Cấp học	Học sinh tiểu học	34,28 (5,79)	0,00	34,09 (5,96)	0,00	24,74 (5,07)	0,24	27,20 (4,33)	0,02	31,59 (5,25)	0,00
	Học sinh THCS	36,32 (5,01)		35,77 (5,77)		25,31 (5,06)		28,16 (4,17)		33,65 (5,33)	
2. Giới tính	Nam	35,32 (5,50)	0,97	34,64 (6,00)	0,33	24,89 (3,86)	0,59	27,84 (3,36)	0,50	32,65 (5,21)	0,96
	Nữ	35,31 (5,51)		35,20 (5,84)		25,15 (5,22)		27,56 (4,63)		32,62 (5,56)	
3. Độ tuổi	Từ 9 đến 11 tuổi	34,37 (5,72)		34,16 (5,95)		24,76 (1,23)	0,28	27,35 (4,20)	0,08	31,60 (5,30)	0,00
	Từ 12 đến 15 tuổi	36,21 (5,14)	0,00	35,67 (5,81)	0,01	25,30 (5,03)		28,06 (4,31)		33,61 (5,31)	
4. Thời gian cha mẹ đi làm ăn xa	Từ 6 tháng - < 3 năm	34,68 (5,21)	0,00	34,71 (5,82)	0,13	25,01 (5,21)	0,40	27,51 (4,41)	0,05	32,45 (5,49)	0,64
	Từ 3 - 15 năm	36,40 (5,49)		35,72 (5,90)		25,49 (4,95)		28,45 (3,99)		32,74 (5,51)	
5. Cha hay mẹ đi làm ăn xa	Cha	35,81 (5,48)		35,17 (6,36)		25,04 (5,11)		28,03 (3,90)		32,53 (5,22)	0,97
	Mẹ	35,55 (5,08)	0,39	34,75 (5,58)	0,82	25,42 (5,01)	0,72	27,53 (4,13)	0,54	32,67 (5,46)	
6. Địa bàn sinh sống của trẻ	Cả cha và mẹ	34,98 (5,67)		34,80 (5,77)		25,07 (5,20)		27,06 (4,72)		32,64 (5,71)	
	Phù Thọ	36,70 (5,11)		36,52 (5,54)		25,43 (5,05)		28,53 (3,80)		33,31 (5,40)	0,37
7. Mức độ liên hệ giữa trẻ và cha mẹ	Bắc Ninh	35,98 (5,31)	0,00	35,60 (5,45)	0,00	26,07 (4,44)	0,00	27,60 (3,98)	0,08	32,54 (4,96)	
	Hà Nam	34,05 (5,60)		33,49 (6,19)		23,93 (5,37)		27,33 (4,68)		32,36 (5,70)	
	Ít thường xuyên	35,34 (5,51)	0,97	34,79 (5,65)	0,60	24,80 (5,18)	0,31	27,51 (4,26)	0,37	32,71 (5,20)	0,69
	Thường xuyên	35,32 (5,47)		35,10 (6,22)		25,30 (4,97)		27,89 (4,29)		32,50 (5,57)	

Mean: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn; p: Mức ý nghĩa.

- Về chiến lược “*Tiêu khiển/giải trí*”, nhóm trẻ là học sinh THCS, có cha mẹ đi làm ăn xa trên 3 năm cũng có xu hướng sử dụng chiến lược này nhiều hơn so với nhóm trẻ là học sinh tiểu học, nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa dưới 3 năm. Không có sự khác biệt trong việc sử dụng chiến lược này giữa các nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa xét theo tiêu chí giới tính, độ tuổi của trẻ, người đi làm ăn xa là cha hay mẹ, địa bàn sinh sống của trẻ cũng như mức độ liên hệ giữa trẻ và cha mẹ là thường xuyên hay ít thường xuyên.

Về chiến lược “*Né tránh vấn đề*”, các số liệu cho thấy, nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa đang học THCS, trong độ tuổi từ 12 đến 15 tuổi có xu hướng sử dụng chiến lược này nhiều hơn so với các em học sinh đang học tiểu học, trong độ tuổi từ 9 đến 11 tuổi.

Chúng tôi tìm hiểu mối tương quan giữa các chiến lược ứng phó của trẻ em có cha mẹ đi làm ăn xa, kết quả thu được được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3: Tương quan giữa các chiến lược ứng phó của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa

Các chiến lược	1	2	3	4	5
1. Tập trung giải quyết vấn đề	-	0,719**	0,574**	0,335**	0,468**
2. Thay đổi nhận thức	-	-	0,568**	0,332**	0,420**
3. Tìm kiếm sự trợ giúp	-	-	-	0,253**	0,299**
4. Tiêu khiển/giải trí	-	-	-	-	0,241**
5. Né tránh vấn đề	-	-	-	-	-

Ghi chú: *r* - hệ số tương quan Pearson; * khi $p < 0,05$; ** khi $p < 0,01$; *** khi $p < 0,001$.

1, 2, 3, 4, 5: Các chiến lược ứng phó của trẻ.

Các số liệu ở bảng trên cho thấy:

Trẻ không chỉ sử dụng một chiến lược ứng phó với những khó khăn gặp phải trong học tập, trong cuộc sống mà cùng lúc sử dụng nhiều chiến lược ứng phó khác nhau. Giá trị tương quan giữa các chiến lược có giá trị dao động từ 0,241 đến 0,719 và đều có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,001$.

Giá trị của các mối tương quan cho thấy, chiến lược “*Tập trung giải quyết vấn đề*” có mối tương quan thuận, rất mạnh với chiến lược “*Thay đổi nhận*

thức" ($r = 0,719$). Điều này có nghĩa rằng, khi nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa sử dụng chiến lược "Tập trung giải quyết vấn đề" cũng có xu hướng sử dụng chiến lược "Thay đổi nhận thức". Ngoài ra, "Tập trung giải quyết vấn đề" có mối tương quan tương đối mạnh với các chiến lược "Tìm kiếm sự trợ giúp" ($r = 0,574$); "Tiêu khiển/giải trí" ($r = 0,335$) và "Né tránh vấn đề" ($r = 0,468$) với giá trị r là 0,574.

- "Thay đổi nhận thức" có mối tương quan tương đối mạnh với chiến lược "Tìm kiếm sự trợ giúp" ($r = 0,568$), "Tiêu khiển/giải trí" ($r = 0,332$), "Né tránh vấn đề" ($r = 0,420$). Điều này cho thấy, nếu trẻ sử dụng chiến lược "Thay đổi nhận thức" cũng có xu hướng sử dụng chiến thuật "Tìm kiếm sự trợ giúp", "Tiêu khiển/giải trí" và "Né tránh vấn đề"

- Chiến lược "Tìm kiếm sự trợ giúp" có mối tương quan thuận, tương đối yếu với các chiến lược "Tiêu khiển/giải trí" ($r = 0,253$) và "Né tránh vấn đề" ($r = 0,299$). Điều này có nghĩa rằng, khi trẻ sử dụng chiến lược "Tìm kiếm sự trợ giúp" thì ít có xu hướng sử dụng chiến lược "Tiêu khiển/giải trí"

- Chiến lược "Tiêu khiển/giải trí" có tương quan thuận, tương đối yếu với chiến lược "Né tránh vấn đề" ($r = 0,241$). Điều này cho thấy, khi trẻ sử dụng chiến lược "Tiêu khiển/giải trí" thì ít khi sử dụng chiến lược "Né tránh vấn đề"

4. Kết luận

Trong mối quan hệ so sánh với trẻ ở cùng cha mẹ, trẻ em có cha mẹ đi làm ăn xa ít sử dụng các chiến lược ứng phó chủ động, tích cực như "Tập trung giải quyết vấn đề", "Tìm kiếm sự trợ giúp", "Tiêu khiển/giải trí"

Có mối tương quan thuận, tương đối chặt chẽ về các chiến lược mà trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa sử dụng khi gặp phải những khó khăn trong học tập, trong cuộc sống. Điều đó cho thấy, trẻ không chỉ sử dụng một chiến lược đơn thuần để vượt qua những khó khăn mà chúng gặp phải.

Trẻ em có cha mẹ đi làm ăn xa đang học THCS có xu hướng sử dụng chiến lược: Tập trung giải quyết vấn đề, Thay đổi nhận thức, Tiêu khiển/giải trí và Né tránh vấn đề hơn so với nhóm trẻ đang học tiểu học. Nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa trong độ tuổi từ 12 đến 15 tuổi có xu hướng sử dụng các chiến lược: Tập trung giải quyết vấn đề, Thay đổi nhận thức và Né tránh vấn đề hơn nhóm trẻ từ 9 đến 11 tuổi. Nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa trên 3 năm cũng có xu hướng sử dụng chiến lược: Tập trung giải quyết vấn đề và Tiêu khiển/giải trí hơn nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa dưới 3 năm. Nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa ở Phú Thọ thường hay sử dụng chiến lược: Tập trung giải quyết vấn đề và Thay đổi nhận thức cao hơn so với nhóm trẻ ở Bắc Ninh và Hà Nam, trong khi đó, nhóm trẻ ở

Bắc Ninh lại có xu hướng sử dụng chiến lược Tìm kiếm sự trợ giúp cao hơn so với 2 nhóm trẻ ở 2 địa phương còn lại.

Tài liệu tham khảo

1. ActionAid, *Phụ nữ di cư trong nước: Hành trình gian nan tìm kiếm cơ hội*, http://www.actionaid.org/sites/files/actionaid/aav_baocaopndicu_vn.pdf, Truy cập ngày 9 tháng 9 năm 2016, Hà Nội, 2012.
2. Camisasca E., Caravita S.C.S., Milani L. and Di Blasio P., *The Children's Coping Strategies Checklist - Revision 1: A validation study in the Italian Population*, Testing, Psychometrics, Methodology in Applied Psychology, 19 (3), pp. 197 - 218, 2012.
3. Fan F., Su L., Gill M., *Emotional and behavioral problems of Chinese left-behind children: A preliminary study*, Social Psychiatry and Psychiatric Epidemiology, 45 (6), pp. 655 - 664, 2010.
4. Graham E. and L.P. Jordan, *Migrant Parents and the Psychological Well-Being of Left-Behind Children in Southeast Asia*, Journal of marriage and Family, 73 (4), pp. 763 - 787, 2011.
5. Hoàng Bá Thịnh, *Vấn đề giới và nghiên cứu di cư ở Việt Nam: Một phân tích tổng quan*, tr. 12 - 31, Trong sách *Giới và di dân: Tầm nhìn châu Á*, Nguyễn Thị Hồng Xoan (Chủ biên), NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
6. Hongwei Hu, Shuang Lu and Chien-Chung Huang, *The Psychological and Behavioral Outcomes of Migrant and Left-behind Children in China* Rutgers, The State University of New Jersey, School of Social Work, Research Report, 6, pp. 1 - 19, 2014.
7. Jia Z. and W. Tian, *Loneliness of left-behind children: A cross - sectional survey in a sample of rural China*, Child: Care, Health and Development, 36 (6), pp. 812 - 817, 2010.
8. Jing Luo, Wenbin Gao and Jianxin Zhang, *The influence of school relationships on anxiety and depression among Chinese adolescents whose parents are absent*, Social Behavior and Personality, 39 (3), pp. 289 - 298, 2011.
9. Lê Văn Hào, *Phong cách ứng phó với căng thẳng liên quan đến thiên tai*, Bài gửi tham dự Hội thảo “Sang chấn Tâm lý và các hoạt động trợ giúp”, Hà Nội, tháng 11/2016.
10. Nicola Piper, *Giới và di cư ở Đông Nam Á*, tr. 32 - 51, Trong sách *Giới và di dân: Tầm nhìn châu Á*, Nguyễn Thị Hồng Xoan (Chủ biên), NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.

11. Qiang Ren and Donald J. Treiman, *The Consequences of Parental Labor Migration in China for Children's Emotional Well-being*, Population Studies Center, Research Report. 13 (799), pp.1 - 41, 2013.
12. Qiran Zhao, Xiaohua Yu, Xiaobing Wang and Thomas Glauben, *The impact of parental migration on children's school performance in rural China*, China Economic Review, 31, pp. 43 - 54, 2014.
13. Shen G.C. and Shen S.J., *Study on the Psychological Problems of Left-Behind Children in rural Areas and Countermeasures*, Studies in Sociology of Science, 5 (4), pp. 59 - 63, 2014.
14. Su S., Li X., Lin D., Xu X. and ZhuM., *Psychological adjustment among left -behind children in rural China: The role of parental migration and parent - child communication*, Child: Care, Health and Development, 39 (2), pp. 162 - 170, 2012.
15. Trần Văn Công và cộng sự, *Chiến lược ứng phó của học sinh với bất an trực tuyến*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tập 31, Số 3, tr. 11 - 24, 2015.
16. Tran Van Kham, Pham Van Quyet, *Social Inclusion of the Poor Migrants in the Contemporary Vietnamese Urban life*, Social Sciences, Vol. 4, Issue 6, <http://article.sciencepublishinggroup.com/pdf/10.11648.j.ss.20150406.11.pdf>, 2015a.
17. Tran Van Kham, Pham Van Quyet, *Access to social services: How poor migrants experience their life in contemporary Vietnamese urban areas*, Journal of Social Sciences and Humanities, 1 (3), pp. 277 - 290, 2015b.
18. Tổng cục Thống kê, *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2015*, NXB Thống kê, 2016.
19. Vũ Ngọc Bình, *Vấn đề luật, chính sách và thực tiễn của phụ nữ đi lao động ngoài nước nhìn từ góc độ quyền và giới*, tr. 71 - 100, Trong sách *Giới và di dân: Tâm nhìn châu Á*, Nguyễn Thị Hồng Xoan (Chủ biên), NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
20. Wang X., Ling L., Su H., Cheng J., Jin L. and Sung Y.H., *Self-concept of left -behind children in China: A systematic review of the literature*, Child: Care, Health and Development, 41 (3), pp. 346 - 355, 2014.
21. Wei Lu., *Left-Behind Children in rural China: Research based on the Use of Qualitative Methods in Inner Mongolia*, Doctor of Philosophy, Department of Social Policy and Social Work, University of York, 2011.
22. Wen M. and Lin D., *Child development in rural China: Children left-behind by their migrant parents and children of Nonmigrant Families*, Child Development, 83 (1), pp. 120 - 136, 2012.

23. Ye Jingzhong and Pan Lu, *Differentiated Childhoods: Impacts of rural labor migration on left-behind children in China*, The Journal of Peasant Studies, 38 (2), pp. 355 - 377, 2011.
24. Zhaobao Jia and Wenhua Tian, *Health - Related quality of life of "Left-behind children": A cross - Sectional survey in rural China*, Quality of Life Research. 19 (3), pp. 775 - 780, 2010.